

名字: _____

日期: _____

NỐI TỪ

两个

爱

喜欢

也

都

同学

朋友

头发

鼻子

手

眼睛

耳朵

脚

yě

yǎnjīng

xǐhuan

tóufa

tóngxué

shǒu

péngyou

liǎng gè

jiǎo

ěrdou

dōu

bízi

ài

名字: _____

日期: _____

NỐI TỪ

鼻子

同学

头发

耳朵

都

爱

朋友

眼睛

脚

喜欢

两个

手

也

ěrduo

yǎnjing

ài

bízi

dōu

yě

péngyou

jiǎo

shǒu

tóufa

xǐhuan

tóngxué

liǎng gè

名字: _____

日期: _____

TÌM BỘ THỦ

爱 喜欢 也 都 同学 朋友 头发
鼻子 手 眼睛 耳朵 脚

Cho từ tiếng trung bên trên, viết các từ có chứa các bộ thủ bên dưới, và chọn tên đúng của bộ thủ

又 _____

子 _____

口 _____

十 _____

月 _____

目 _____